

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC
MÔN TIẾNG ANH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BGDĐT ngày tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn học bồi dưỡng dự bị đại học)*

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC	1
II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH	1
III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	2
IV. NỘI DUNG GIÁO DỤC	7
V. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC	12
VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	15
VII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	16

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Tiếng Anh ngày nay được xem là công cụ quan trọng trong sự phát triển kinh tế quốc gia, hội nhập khu vực và quốc tế, cũng như đem lại sự hiểu biết rộng hơn về các nền văn hóa khác, đồng thời thúc đẩy ý thức công dân toàn cầu ở người sử dụng. Đối với người học, khả năng hiểu và sử dụng tiếng Anh là một kỹ năng cơ bản mà tất cả các người học đều phải có khi tham gia theo học ở các cấp học cao hơn.

Năng lực sử dụng tiếng Anh được phát triển đồng thời với việc trang bị cho người học kỹ năng học tập suốt đời để không ngừng học tập, làm việc và giải trí. Chương trình này trang bị cho người học các kỹ năng thể hiện ý tưởng cá nhân một cách độc lập, tự tin và sáng tạo, giúp các em có thể đạt được nhiều thành tích hơn nữa trong học tập và làm việc bằng tiếng Anh và thông qua tiếng Anh. Ngoài ra, chương trình giúp người học nâng cao năng lực tư duy về các vấn đề toàn cầu thông qua tiếng Anh và áp dụng những kiến thức mà các em học được vào các hoạt động văn hóa và xã hội nhằm chuẩn bị một cách tốt nhất cho các em trước khi tham gia các chương trình đào tạo ở bậc đại học.

Chương trình được xây dựng căn cứ đặc điểm tâm sinh lý và năng lực của người học đã hoàn thành cấp THPT, đang học tập để chuẩn bị cho chương trình đào tạo bậc đại học. Chuyển tiếp từ lứa tuổi vị thành niên sang lứa tuổi trưởng thành, người học ở độ tuổi này đang ngày một phát triển cả về mặt tinh thần và trí tuệ và có khả năng hoàn thiện các chức năng nhận thức phức tạp. Người học ở độ tuổi này có thể phát triển ý thức đồng cảm, nhìn nhận các quan điểm của người khác và đặt mình vào vị trí của họ để nhận thức tốt hơn. Năng lực tư duy logic và khả năng giải quyết các vấn đề mang tính lý luận cũng được phát triển. Đồng thời, người học ngày càng trở nên độc lập hơn trong các bối cảnh xã hội. Người dạy cần phải chú ý đến những thay đổi này, giúp các em trở nên tự tin hơn về khả năng, cũng như hỗ trợ phát triển những kỹ năng tự chịu trách nhiệm về bản thân và việc học tập của mình. Như vậy, cần đảm bảo rằng các chủ đề, bài tập và hoạt động dạy học tiếng Anh phải hấp dẫn, phù hợp với độ tuổi để thúc đẩy việc học tập của người học trong các bối cảnh khác nhau.

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho người học khả năng sử dụng tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Người học có đủ năng lực tiếng Anh để bước đầu sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập, làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hoá.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc Chương trình dự bị đại học, người học có thể:

- Hiểu các ý chính và nắm được thông tin chi tiết cụ thể nếu cần thiết từ những thông tin đầu vào rõ ràng và chuẩn mực về những vấn đề quen thuộc được diễn ra thường xuyên trong học tập, công việc, giao tiếp, vui chơi giải trí;
- Xử lý được các tình huống quen thuộc, gần gũi có khả năng phát sinh trong quá trình giao tiếp;
- Xây dựng đoạn văn ở hình thức nói hoặc viết đơn giản và liền mạch về những chủ đề quen thuộc hoặc ưa thích có trong chương trình;
- Mô tả những trải nghiệm và sự kiện trong quá khứ và hiện tại cũng như những ước mơ, hi vọng và hoài bão trong tương lai, đồng thời có thể giải thích một cách ngắn gọn những quan điểm và hoạch định tương lai của bản thân;
- Hiểu và trân trọng các nền văn hóa đa dạng, đồng thời phản ánh được giá trị của nền văn hóa dân tộc Việt Nam thông qua tiếng Anh;
- Sử dụng tiếng Anh để liên hệ kiến thức ngôn ngữ với các lĩnh vực học tập khác trong chương trình;
- Áp dụng các chiến lược học tập khác nhau để tiếp tục phát triển năng lực tiếng Anh một cách độc lập sau khi hoàn thành chương trình;
- Đủ điều kiện tham gia xét chuyển vào đại học hoặc những bậc học cao hơn

III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Tiếng Anh tiếp tục góp phần phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực theo các mức độ phù hợp với môn học đã được hình thành sau khi hoàn thành Chương trình tổng thể ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.1 Tiếp tục phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu sau: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

1.2. Duy trì và phát triển cho học sinh những năng lực cốt lõi sau:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo;
- Năng lực ngôn ngữ, năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

2.1. Kiến thức về ngôn ngữ

Ngữ âm	Nội dung dạy học ngữ âm bao gồm: các nguyên âm, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, dạng phát âm mạnh và dạng phát âm yếu, tính lược âm, đồng hoá âm, nối âm, trọng âm câu, nhịp điệu, ngữ điệu...
Từ vựng	Nội dung dạy học từ vựng bao gồm những từ thông dụng được thể hiện trong hai lĩnh vực ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết liên quan đến các chủ điểm và chủ đề trong Chương trình. Số lượng từ vựng cần thụ đắc khoảng 600 - 800 từ (không bao gồm các từ đã học ở các học trước)...
Ngữ pháp	Nội dung dạy học ngữ pháp tiếp tục củng cố và mở rộng các nội dung đã học bao gồm các cấu trúc phức vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 3 như mệnh đề quan hệ, câu điều kiện (loại 2 và loại 3), câu chủ động, câu bị động, câu trực tiếp, câu gián tiếp, câu ghép, câu phức, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, thì quá khứ hoàn thành, thì tương lai đơn, thì tương lai tiếp diễn, thì tương lai gần, liên từ, động từ tình thái, ngữ động từ, thể bị động...

2.2. Năng lực giao tiếp

Năng lực giao tiếp là khả năng sử dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) để tham gia vào các hoạt động giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong những tình huống hay ngữ cảnh có nghĩa với các đối tượng giao tiếp khác nhau nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp của bản thân hay yêu cầu giao tiếp của xã hội. Trong Chương trình dự bị đại học môn Tiếng Anh, năng lực giao tiếp được thể hiện thông qua các chức năng và nhiệm vụ giao tiếp dưới dạng nghe, nói, đọc, viết. Các năng lực giao tiếp được lựa chọn theo hướng mở, có liên hệ chặt chẽ với các chủ điểm, chủ đề.

Giao tiếp xã hội: (ví dụ: chào hỏi; giới thiệu mọi người; xin phép; thu hút sự chú ý; ...);

Truyền đạt và tìm kiếm thông tin sự kiện: (ví dụ: xác định và hỏi về: người; vật; vấn đề; hiểu/hiểu nhầm; hỏi thông tin và mô tả về: người - đặc điểm tính cách, diện mạo và khả năng; vật; nơi chốn; cách ứng xử; thời gian; hoạt động/sự kiện/tình huống (quá khứ, hiện tại, tương lai); đặc điểm vật chất (màu sắc, kích thước, con số); kinh nghiệm; hỏi và trả lời: thời gian; chi phí; ý nghĩa; làm rõ; xác nhận; từ chối; lí do; hướng dẫn; đếm (số đếm và số thứ tự); chỉnh sửa; báo cáo; so sánh;...);

Thể hiện và nắm bắt thái độ: (ví dụ: hỏi và thể hiện về: quan điểm; sở thích; mục đích/ý định; mong muốn và nhu cầu; sợ hãi; đồng ý/không đồng ý; chắc chắn/không chắc chắn; khả năng/ít khả năng; xác suất; thích/không thích; dễ chịu/khó chịu; nhất trí/phản đối; bày tỏ: tình cảm; sự biết ơn; đồng cảm; hi vọng; sự ngạc nhiên; tán dương; xin lỗi; phản nản; chúc mừng; ca tụng; khích lệ; phủ nhận; dự đoán;...);

Các biểu hiện cụ thể của năng lực giao tiếp được trình bày trong bảng sau:

Chủ điểm	Năng lực giao tiếp
Cuộc sống của chúng ta	- Nói về cuộc sống gia đình - Trao đổi ý kiến về công việc nhà và vai trò của các thành viên trong gia đình - Viết về việc làm/việc nhà trong gia đình - Thảo luận về chế độ ăn uống lành mạnh - Thảo luận về các loại hình giải trí ưa thích - Hỏi và đưa ra lời khuyên về nghề nghiệp - Viết/điền các biểu mẫu đơn giản (biểu mẫu đăng kí khoá học, mẫu đơn xin việc làm ...) ...
Xã hội của chúng ta	- Hiểu và diễn đạt ý kiến về các hoạt động cộng đồng - Diễn đạt được quan điểm về các vấn đề xã hội, giáo dục đơn giản - Nói về sự lựa chọn phong cách sống và ảnh hưởng của nó tới sức khoẻ - Đọc hiểu một bài viết về bình đẳng giới - Chia sẻ ý kiến về những nghề nghiệp khác nhau - Nói về các hoạt động tình nguyện - Hỏi và trả lời các thông tin cơ bản về đất nước, con người, văn hoá của một đất nước ...

Môi trường của chúng ta	- Nói về các cách thức đơn giản để bảo tồn di sản - Viết giới thiệu để quảng bá du lịch sinh thái - Nói về sự ảnh hưởng đến môi trường từ các hoạt động của con người - Đọc hiểu được một văn bản về các mối đe dọa đối với môi trường tự nhiên - Viết về các vấn đề môi trường và đưa ra giải pháp để bảo vệ môi trường tự nhiên - Đề xuất các địa điểm du lịch sinh thái yêu thích - Viết một đoạn văn đơn giản về một địa danh nổi tiếng - Nói về cách sống thân thiện với môi trường ...
Tương lai của chúng ta	- Nói về công nghệ và cuộc sống - Viết về cách thức sử dụng mạng Internet - Diễn đạt các dự đoán về những thành phố trong tương lai - Nói về các lời khuyên chăm sóc sức khỏe - Đọc hiểu một bài báo về các yếu tố làm tăng tuổi thọ - Đọc hiểu một bài viết về các cơ hội học đại học - Nói về công việc trong tương lai ...

Thực hiện yêu cầu: (ví dụ: hỏi và trả lời về lời khuyên; lời mời; cho phép; quyết định; đề nghị và cho phép; sự giúp đỡ; một việc cần thực hiện; cảnh báo; ra mệnh lệnh; chấp nhận/từ chối; đề nghị/hoàn tất nghĩa vụ; gợi ý; thương thảo;...).

Đối với Chương trình dự bị đại học môn Tiếng Anh, năng lực sử dụng ngôn ngữ được cụ thể hóa thông qua các kỹ năng như sau:

Nghe:	- Nghe hiểu và xác định nội dung chính, nội dung chi tiết trong các đoạn hội thoại, độc thoại khoảng 230 - 250 từ về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống, công việc, học tập,... trong phạm vi Chương trình.
--------------	--

	- Nghe hiểu các hướng dẫn đơn giản như công thức nấu ăn, cách sử dụng các đồ dùng thông dụng. - Nghe hiểu và đoán nghĩa (thông qua biểu hiện thái độ, tình cảm của của người nói) trong các độc thoại, hội thoại quen thuộc của cuộc sống hằng ngày. - Nghe hiểu những ý chính trong các chương trình điểm tin, phát thanh, phỏng vấn,... về các đề tài quen thuộc được diễn đạt rõ ràng, bằng ngôn ngữ đơn giản, kèm hình ảnh minh hoạ.
Nói:	- Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ có hoặc không có trọng âm, trọng âm câu, đồng hoá âm, nối âm. - Nói và tương tác với người đồng thoại về các chủ đề quen thuộc, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quy định trong Chương trình. - Mô tả bằng các diễn ngôn đơn giản về các chủ đề quen thuộc, kể lại một câu chuyện ngắn có nội dung gần gũi với các chủ đề đã học. - Trình bày các dự án một cách cơ bản, có chuẩn bị trước về các chủ đề được quy định trong Chương trình.
Đọc:	- Đọc hiểu các ý chính, nội dung chi tiết của văn bản khoảng 280 - 300 từ về các chủ đề mang tính thời sự và quen thuộc. - Đọc hiểu mạch lập luận của văn bản, xác định được các kết luận chính trong các văn bản có sử dụng ngôn ngữ rõ ràng. - Đọc hiểu để tìm và tóm tắt các văn bản ngắn sử dụng hằng ngày như thư từ, tờ thông tin đơn giản, sử dụng các từ và cấu trúc từ văn bản gốc.
Viết:	- Viết bài có tính liên kết, mạch lạc khoảng 180 - 200 từ; viết được các báo cáo ngắn, theo gợi ý, cung cấp những thông tin thực tế và nêu lí do cho những kiến nghị đưa ra trong báo cáo; tập hợp thông tin ngắn từ một vài nguồn và tóm tắt lại thông tin. - Hoàn thành (viết/điền) các biểu mẫu hành chính phổ biến như sơ yếu lí lịch, đơn xin việc. - Viết bài mô tả biểu đồ, biểu bảng đơn giản.

IV. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

Nội dung *Chương trình dự bị đại học môn Tiếng Anh* được xây dựng trên cơ sở các chủ điểm phù hợp với đối tượng người học. Các chủ điểm liên quan chặt chẽ với nhau và được thiết nhằm củng cố và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh. Các chủ điểm có thể được điều chỉnh, bổ sung nhằm đáp ứng nhu cầu, môi quan tâm, hứng thú cũng như yêu cầu hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực cần thiết cho người học.

Các chủ điểm gợi ý: *Cuộc sống của chúng ta, Xã hội của chúng ta, Môi trường của chúng ta, Tương lai của chúng ta.*

Từ các chủ điểm, hệ thống chủ đề được xây dựng nhằm bao phủ chương trình dạy học. Các chủ điểm và chủ đề có mối liên quan chặt chẽ với nhau, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và môi trường sinh hoạt, học tập của học sinh. Các chủ đề được lựa chọn theo hướng mở, phù hợp với các giá trị văn hoá, xã hội của Việt Nam, đảm bảo tính hội nhập quốc tế và phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực giao tiếp quy định cho Chương trình. Người biên soạn tài liệu dạy học và giáo viên có thể điều chỉnh, bổ sung các chủ đề sao cho phù hợp với chủ điểm, đáp ứng nhu cầu, sở thích và khả năng học tập của học sinh để đạt được các mục tiêu đề ra trong Chương trình. Dưới đây là ví dụ minh hoạ mang tính gợi ý cho các chủ đề theo chủ điểm trong Chương trình dự bị đại học môn Tiếng Anh.

Chủ điểm	Chủ đề
Cuộc sống của chúng ta	- Cuộc sống gia đình - Khoảng cách thế hệ - Giải trí - Lối sống lành mạnh - Cuộc sống tự lập - Câu chuyện cuộc sống - Tốt nghiệp và chọn nghề ...
Xã hội của chúng ta	- Các vấn đề xã hội

Chủ điểm	Chủ đề
	- Giáo dục - Phục vụ cộng đồng - Phương tiện truyền thông đại chúng - Bản sắc văn hoá - Việt Nam và các tổ chức quốc tế ...
Môi trường của chúng ta	- Bảo tồn di sản - Biến đổi khí hậu - Bảo tồn môi trường tự nhiên - Con người và môi trường - Môi trường xanh - Du lịch sinh thái ...
Tương lai của chúng ta	- Giáo dục trong tương lai - Học tập suốt đời - Trí tuệ nhân tạo - Tương lai của các thành phố - Sức khoẻ và tuổi thọ - Thế giới công việc ...

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt

Chủ điểm	Chủ đề	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ	Năng lực giao tiếp
- Cuộc sống của chúng ta - Xã hội của chúng ta - Môi trường của chúng ta - Tương lai của chúng ta ...	- Cuộc sống gia đình - Khoảng cách thế hệ - Giải trí - Lối sống lành mạnh - Cuộc sống tự lập - Câu chuyện cuộc sống - Tốt nghiệp và chọn nghề - Các vấn đề xã hội - Giáo dục - Phục vụ cộng đồng - Phương tiện truyền thông đại chúng	Nghe - Nghe hiểu và xác định nội dung chính, nội dung chi tiết trong các đoạn hội thoại, độc thoại khoảng 230 - 250 từ về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống, công việc, học tập,... trong phạm vi Chương trình. - Nghe hiểu các hướng dẫn đơn giản như công thức nấu ăn, cách sử dụng các đồ dùng thông dụng. - Nghe hiểu và đoán nghĩa (thông qua biểu hiện thái độ, tình cảm của người nói) trong các độc thoại, hội thoại quen thuộc của cuộc sống hằng ngày. - Nghe hiểu những ý chính trong các chương trình điểm tin, phát thanh, phỏng vấn,... về các đề tài quen thuộc được diễn đạt rõ ràng, bằng ngôn ngữ đơn giản, kèm hình ảnh minh họa.	Ngữ âm - Các nguyên âm, phụ âm, tổ hợp phụ âm. - Trọng âm từ, trọng âm câu. - Dạng phát âm mạnh và dạng phát âm yếu, tính lược âm, đồng hoá âm, nối âm. - Nhịp điệu, ngữ điệu. Từ vựng - Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của Chương trình Ngữ pháp - Từ loại và loại từ. - Mạo từ, giới từ, liên từ, định từ, phó từ... (củng cố và mở rộng). - Các ngữ (củng cố và mở rộng).	- Nói về cuộc sống gia đình. - Trao đổi ý kiến về việc nhà và vai trò của các thành viên trong gia đình. - Viết về việc làm/việc nhà trong gia đình. - Thảo luận về chế độ ăn uống lành mạnh. - Thảo luận về các loại hình giải trí ưa thích. - Hỏi và đưa ra lời khuyên về nghề nghiệp. - Viết/điền các biểu mẫu đơn giản (biểu mẫu đăng kí khoá học, mẫu đơn xin việc làm ...). - Hiểu và diễn đạt ý kiến về các hoạt động cộng đồng. - Trình bày được quan điểm về các vấn đề xã hội, giáo dục đơn giản.
		Nói		

Chủ điểm	Chủ đề	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ	Năng lực giao tiếp
	- Bản sắc văn hoá - Việt Nam và các tổ chức quốc tế - Bảo tồn di sản - Biến đổi khí hậu - Bảo tồn môi trường tự nhiên - Con người và môi trường - Môi trường xanh - Du lịch sinh thái - Giáo dục trong tương lai - Học tập suốt đời - Trí tuệ nhân tạo	- Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ có hoặc không có trọng âm, trọng âm câu, đồng hoá âm, nối âm. - Nói và tương tác với người đồng thoại về các chủ đề quen thuộc, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quy định trong Chương trình. - Mô tả bằng các diễn ngôn đơn giản về các chủ đề quen thuộc, kể lại một câu chuyện ngắn có nội dung gần gũi với các chủ đề đã học. - Trình bày các dự án một cách cơ bản, có chuẩn bị trước về các chủ đề được quy định trong Chương trình.	- Đại từ và trạng từ liên hệ (củng cố và mở rộng). - Các thì của hiện tại và quá khứ (củng cố và mở rộng). - Các cấu trúc để diễn đạt tương lai. - Các loại câu: câu đơn, câu ghép, câu phức (củng cố và mở rộng) - Các dạng mệnh đề (củng cố và mở rộng). - Các dạng câu tường thuật (củng cố và mở rộng). - Câu điều kiện (củng cố và mở rộng). - Chủ động và bị động (củng cố và mở rộng). - Các cấu trúc đề nghị, cầu khiến (củng cố và mở rộng). ...	- Nói về sự lựa chọn phong cách sống và ảnh hưởng của nó tới sức khoẻ. - Đọc hiểu một bài viết về bình đẳng giới. - Chia sẻ ý kiến về những nghề nghiệp khác nhau. - Nói về các hoạt động tình nguyện. - Hỏi và trả lời các thông tin cơ bản về đất nước, con người, văn hoá của một đất nước. - Nói về các cách thức đơn giản để bảo tồn di sản. - Viết giới thiệu để quảng bá du lịch sinh thái. - Nói về sự ảnh hưởng đến môi trường từ các hoạt động của con người. - Đọc hiểu được văn bản về các môi đe dọa đối với môi trường tự nhiên.

Chủ điểm	Chủ đề	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ	Năng lực giao tiếp
	- Tương lai của các thành phố - Sức khỏe và tuổi thọ - Thế giới công việc - ...	chính trong các văn bản có sử dụng ngôn ngữ rõ ràng. - Đọc hiểu để tìm và tóm tắt các văn bản ngắn sử dụng hằng ngày như thư từ, tờ thông tin đơn giản, sử dụng các từ và cấu trúc từ văn bản gốc. Viết - Viết bài có tính liên kết, mạch lạc khoảng 180 - 200 từ; viết được các báo cáo ngắn, theo gợi ý, cung cấp những thông tin thực tế và nêu lí do cho những kiến nghị đưa ra trong báo cáo; tập hợp thông tin ngắn từ một vài nguồn và tóm tắt lại thông tin. - Hoàn thành (viết/điền) các biểu mẫu hành chính phổ biến như sơ yếu lí lịch, đơn xin việc, ... - Viết bài mô tả biểu đồ, biểu bảng đơn giản.		- Viết về các vấn đề môi trường và đưa ra giải pháp để bảo vệ môi trường tự nhiên. - Đề xuất các địa điểm du lịch sinh thái yêu thích. - Viết đoạn văn đơn giản về một địa danh nổi tiếng. - Nói về cách sống thân thiện với môi trường. - Nói về công nghệ và cuộc sống. - Viết về cách thức sử dụng mạng Internet. - Đưa ra các dự đoán về những thành phố trong tương lai. - Nói về các lời khuyên chăm sóc sức khỏe. - Đọc hiểu bài báo về các yếu tố làm tăng tuổi thọ. - Đọc hiểu bài viết về các cơ hội học đại học. - Nói về công việc trong tương lai. - ...

V. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

Phương pháp giáo dục chủ đạo trong Chương trình dự bị đại học môn Tiếng Anh là đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp. Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp cho phép sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau, nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh, vào khả năng sử dụng các quy tắc ngữ pháp để tạo ra các ngôn bản chính xác và phù hợp thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

2. Phương pháp dạy học

Việc dạy tiếng Anh trong Chương trình dự bị đại học cần dựa trên việc áp dụng đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp (Communicative Language Teaching - CLT) phù hợp với điều kiện của nhà trường và đặc điểm tâm sinh lý của người học đang chuyển tiếp từ độ tuổi vị thành niên sang tuổi trưởng thành. Mục tiêu của việc dạy và học là phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh trong các hoàn cảnh thực tế khác nhau. Để đạt mục tiêu này, hoạt động học của người học cần được chú trọng. Đường hướng này nhấn mạnh đến quá trình luyện tập hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp thông qua các phương pháp, quy trình hoạt động học tập phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh dạy học, năng lực của người học và sự hỗ trợ của giáo viên. Giáo viên phải xem người học là những chủ thể tích cực tham gia vào quá trình học tập và vai trò của giáo viên là người tổ chức và hướng dẫn quá trình học tập của người học.

Các hoạt động luyện tập ngôn ngữ cần kết hợp tăng cường độ trôi chảy, mạch lạc với độ chính xác trong sử dụng ngôn ngữ. Việc sử dụng ngôn ngữ có ý nghĩa là yếu tố cơ bản để đạt được trình độ thành thạo bất kỳ mức độ năng lực giao tiếp nào. Điều này đòi hỏi người học phải tương tác với giáo viên, bạn học cùng lớp, giáo trình và các nguồn học liệu khác. Để phát huy tính tích cực trong hoạt động của người học, giáo viên cần tổ chức nhiều hình thức hoạt động trên lớp như: luyện tập cá nhân, luyện tập theo cặp, luyện tập theo nhóm và luyện tập cả lớp.

Các nhiệm vụ học tập được thiết kế có tính linh hoạt, có khả năng cá thể hóa, giúp người học có thể liên hệ với cuộc sống và môi trường xã hội của bản thân, sử dụng được những hiểu biết và kiến thức nền của mình trong luyện tập ngôn ngữ. Các hoạt động học tập được thiết kế nhằm tăng cường ý thức tự chịu trách nhiệm về việc học tập của bản thân, đồng thời hình thành và rèn luyện một số kỹ năng và chiến lược học ngoại ngữ cơ bản cho người học.

Các hoạt động luyện tập ngôn ngữ có thể được thiết kế dưới các hình thức khác nhau, mang tính thi đua, cạnh tranh, hợp tác nhằm tạo hứng thú cho người học, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí người học. Để tăng hiệu quả của việc dạy học, cần áp dụng các phương tiện dạy học đa dạng, sử dụng công nghệ thông tin trong việc thiết kế các hoạt động học tập. Người học cần được khuyến khích sử dụng tiếng Anh tối đa trong lớp học và các tình huống giao tiếp thường ngày.

Để hình thành và phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua luyện tập các kiến thức ngôn ngữ như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, cần quán triệt các định hướng dạy học cơ bản như:

- Người học là chủ thể của hoạt động học tập. Người học tham gia học tập và hoạt động giao tiếp tích cực, chủ động, sáng tạo và với tinh thần hợp tác cao. Người học cần luyện tập thực hành giao tiếp một cách có ý thức trong hoạt động học tập trên lớp và tự học.

- Giáo viên tổ chức và hướng dẫn người học tham gia tích cực vào quá trình học tập thông qua các hoạt động cá nhân, theo cặp và nhóm. Giáo viên cần kết hợp hài hoà các phương pháp và kĩ thuật dạy học. Giáo viên cần sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách hợp lí và có hiệu quả trong quá trình dạy học.

3. Vai trò giáo viên

Trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, giáo viên đảm nhiệm nhiều vai trò, trong đó bốn vai trò sau đây được cho là nổi bật: (i) người dạy học và nhà giáo dục, (ii) người cố vấn; (iii) người tham gia vào quá trình học tập; (iv) người học và người nghiên cứu.

Với vai trò là người dạy học và nhà giáo dục, giáo viên giúp học sinh học kiến thức và phát triển kĩ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, giáo dục các em trở thành những công dân tốt, có trách nhiệm. Với vai trò là người cố vấn, giáo viên là người tạo điều kiện cho quá trình giao tiếp giữa học sinh với nhau trong lớp học, giữa học sinh với sách giáo khoa và với các nguồn học liệu khác. Là cố vấn cho quá trình học tập, giáo viên sẽ giúp cho chính mình hiểu được những gì học sinh cần trong quá trình học tập, những gì là sở thích của các em, và những gì các em có thể tự làm được để chuyển giao một số nhiệm vụ cho các em tự quản; khuyến khích học sinh thể hiện rõ những ý định của mình để qua đó phát huy được vai trò chủ động và sáng tạo của các em trong học tập; hướng sự tham gia tích cực của học sinh vào những mục tiêu thực tế nhất trong khi học tiếng Anh để đạt hiệu quả cao trong học tập.

Trong vai trò là người tham gia vào quá trình học tập, giáo viên hoạt động như là một thành viên tham gia vào quá trình học tập ở trên lớp của các nhóm học sinh. Với tư cách vừa là người cố vấn vừa là người cùng tham gia vào quá trình học tập, giáo viên còn đảm nhiệm thêm một vai trò quan trọng nữa, đó là nguồn tham khảo cho học sinh, hướng dẫn, giải đáp thắc mắc, giúp học sinh tháo gỡ

những khó khăn trong quá trình học tập, trong thực hành giao tiếp ở trong và ngoài lớp học.

Trong vai trò là người học và người nghiên cứu, giáo viên, ở một mức độ nào đó, có điều kiện trở lại vị trí của người học để hiểu và chia sẻ những khó khăn cũng như những trách nhiệm học tập với học sinh. Có thực hiện được vai trò là người học thì giáo viên mới có thể phát huy được vai trò tích cực của học sinh, mới có thể lựa chọn được những phương pháp và thủ thuật dạy học phù hợp. Với tư cách là người nghiên cứu, giáo viên có thể đóng góp khả năng và kiến thức của mình vào việc tìm hiểu bản chất của quá trình dạy - học ngoại ngữ, bản chất của giao tiếp trong lớp học, những yếu tố ngôn ngữ, tâm lí và xã hội ảnh hưởng đến quá trình học một ngoại ngữ. Ngoài ra, thông qua nghiên cứu, giáo viên sẽ ý thức được rằng dạy - học là một nhiệm vụ liên nhân (liên chủ thể) - một nhiệm vụ mà cả người dạy và người học đều có trách nhiệm tham gia, trong đó học có vai trò trung tâm, dạy có vai trò tạo điều kiện và mục tiêu học tập chi phối toàn bộ quá trình dạy - học.

Những vai trò đã nêu trên đòi hỏi giáo viên có trách nhiệm (i) xây dựng ý thức học tập cho học sinh, (ii) giúp học sinh ý thức được trách nhiệm của mình với tư cách là những người học và về mục đích học tập của mình, (iii) giúp học sinh lựa chọn các phương pháp học tập phù hợp, (iv) giúp học sinh có quan niệm toàn diện về thế nào là biết một ngoại ngữ. Khía cạnh thứ nhất liên quan đến việc xây dựng động cơ học ngoại ngữ đúng đắn cho học sinh, những cố gắng mà các em sẵn sàng bỏ ra để học tập, thái độ của các em đối với tiếng Anh. Khía cạnh thứ hai bao gồm việc giúp học sinh phát triển sự hiểu biết của mình về việc học tiếng Anh nhằm những mục đích gì, trên cơ sở đó đề ra những mục tiêu phù hợp trong từng giai đoạn học tập. Khía cạnh thứ ba liên quan đến việc giúp học sinh xây dựng phong cách hay phương pháp học đúng đắn, có các chiến lược học tập phù hợp để đạt kết quả học tập cao nhất và các hoạt động khác nhau có thể thúc đẩy quá trình học tập trên lớp cũng như ở ngoài lớp. Khía cạnh thứ tư yêu cầu giáo viên, thông qua giảng dạy, giúp học sinh hiểu được khái niệm “thế nào là biết một ngoại ngữ”; nghĩa là ngôn ngữ được cấu tạo và sử dụng như thế nào trong các tình huống giao tiếp.

4. Vai trò học sinh

Trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, học sinh phải được tạo điều kiện tối đa để thực sự trở thành (i) người đàm phán tích cực và có hiệu quả với chính mình trong quá trình học tập, (ii) người đàm phán tích cực và có hiệu quả với các thành viên trong nhóm và trong lớp học, (iii) người tham gia vào môi trường cộng tác dạy - học.

Người học ngoại ngữ trong thời đại công nghiệp 4.0 không chỉ là người thu nhận kiến thức từ người dạy và từ sách vở, mà quan trọng hơn, còn phải là người biết cách học như thế nào. Học sinh có những nhu cầu và mục đích học tiếng Anh rất khác nhau. Trong quá trình học tập, các em thường xuyên điều chỉnh kế hoạch của mình cho phù hợp với những mục tiêu của môn học. Kiến thức thường

xuyên được định nghĩa lại khi học sinh học được nhiều hơn, và trong khi xây dựng kế hoạch học tập cho riêng mình, các em có thể nhận ra rằng các chiến lược học tập trước đó có thể không còn phù hợp và có thể bị thay thế bằng các chiến lược học tập mới phù hợp hơn. Quá trình điều chỉnh này được gọi là quá trình đàm phán với chính mình trong quá trình học tập.

Học không hoàn toàn là một hoạt động cá nhân mà nó diễn ra trong một môi trường văn hoá xã hội nhất định, trong đó sự tương tác giữa những học sinh với nhau có vai trò quan trọng trong việc thu nhận kiến thức và phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh. Thực tế này đòi hỏi học sinh trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp phải đảm nhiệm vai trò của người cùng đàm phán với các thành viên trong nhóm và trong lớp học.

Vì dạy - học là một hoạt động không thể tách rời nhau, cho nên học sinh trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp còn phải đảm nhiệm thêm một vai trò quan trọng nữa, đó là người tham gia vào môi trường cộng tác dạy - học. Trong vai trò này, học sinh hoạt động như là người đàm phán với giáo viên, cung cấp cho giáo viên những thông tin về bản thân mình như trình độ, khó khăn, thuận lợi, nhu cầu, mong muốn của cá nhân về môn học, và những thông tin phản hồi về những nội dung trong sách giáo khoa và phương pháp dạy học của giáo viên,... để giáo viên hiểu được mình và có thể điều chỉnh nội dung, phương pháp và thủ thuật dạy học phù hợp.

VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Kiểm tra, đánh giá là yếu tố quan trọng trong quá trình dạy học nhằm cung cấp thông tin phản hồi về năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà học sinh đạt được trong quá trình cũng như tại thời điểm kết thúc một giai đoạn học tập. Điều này góp phần khuyến khích và định hướng học sinh trong quá trình học tập, giúp giáo viên và nhà trường đánh giá kết quả học tập của học sinh, qua đó điều chỉnh việc dạy học môn học một cách hiệu quả ở các cấp học.

Việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các mục tiêu thông qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ được quy định trong chương trình và các quy định hiện hành về kiểm tra đánh giá dành cho chương trình dự bị đại học.

Hoạt động kiểm tra, đánh giá chú trọng hai hình thức gồm đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục thông qua các hoạt động dạy học trên lớp nhằm giúp học sinh và giáo viên có những điều chỉnh phù hợp với quá trình học tập. Trong quá trình dạy học, cần chú ý ưu tiên đánh giá thường xuyên nhằm giúp học sinh và giáo viên theo dõi tiến độ thực hiện những mục tiêu đã đề ra trong Chương trình.

Việc đánh giá được tiến hành thông qua các hình thức khác nhau như định lượng, định tính và kết hợp giữa định lượng và định tính trong cả quá trình học tập, kết hợp đánh giá của giáo viên, đánh giá lẫn nhau của học sinh và tự đánh giá của học sinh. Các loại hình kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với phương pháp dạy học được áp dụng trong lớp học, bao gồm kiểm tra nói (hội thoại, độc thoại) và kiểm tra viết dưới dạng tích hợp các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ, kết hợp giữa hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận và các hình thức đánh giá khác.

Căn cứ điều kiện cụ thể, việc kiểm tra kỹ năng nói có thể được thực hiện gián tiếp, tích hợp trong bài kiểm tra định kỳ / bài thi cuối khóa hoặc dưới hình thức đánh giá thường xuyên trong quá trình dạy học. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học cần tuân thủ một số yêu cầu sau:

- Nội dung kiểm tra cần bám sát các nội dung chương trình, chuẩn kiến thức, kỹ năng và tài liệu hướng dẫn dạy học.
- Các hình thức kiểm tra cần đa dạng, bao gồm các loại hình câu hỏi khác nhau.
- Các hình thức thực hành cần sát thực với cuộc sống, giúp người học chuẩn bị cho các tình huống giao tiếp ngoài đời thực.
- Đánh giá kết quả học tập của người học phải được thực hiện thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và/hoặc kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp)

VII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chức năng pháp lý của Chương trình

Văn bản Chương trình này là cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý việc dạy học tiếng Anh, biên soạn tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình, biên soạn, thẩm định và lựa chọn tài liệu dạy học Tiếng Anh (sách giáo khoa, sách hướng dẫn dạy học, tài liệu tham khảo, học liệu điện tử,...), thiết kế, lựa chọn đồ dùng và thiết bị dạy học, định hướng phương pháp dạy học Tiếng Anh giao tiếp, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh và xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên sư phạm và cán bộ quản lý cho đối tượng dự bị đại học.

2. Hướng dẫn thực hiện Chương trình

a. Đối với các tổ hợp môn có môn Tiếng Anh

- Đảm bảo đủ thời lượng dạy học theo quy định. Chương trình được thiết kế nhằm cung cấp nội dung cho việc thực hiện kế hoạch dạy học cuối khóa (bao gồm cả các tiết ôn tập và kiểm tra cuối khóa) nhằm đảm bảo người học đáp ứng các yêu cầu cần đạt của Chương trình và xét chuyển đại học hoặc các cấp học tiếp theo.

- Người học bắt đầu chương trình cần có năng lực tiếng Anh tương đương hoàn thành Chương trình môn Tiếng Anh cấp THPT, nếu chưa đạt trình độ theo yêu cầu cần được bồi dưỡng nâng cao trình độ trong khi theo học với thời lượng phù hợp để đáp ứng các yêu cầu đầu ra của Chương trình.
- Đảm bảo đầy đủ tài liệu học tập. Có thể sử dụng các nguồn học liệu tham khảo để nâng cao chất lượng dạy học. Đảm bảo đủ trang thiết bị để trợ giúp việc dạy học (như thiết bị nghe nhìn và học liệu điện tử).
- Giáo viên sử dụng chương trình một cách linh hoạt, căn cứ các nội dung đề xuất để xây dựng chương trình chi tiết và lựa chọn tài liệu dạy học, tài liệu tham khảo và bổ trợ phù hợp với đối tượng người học, thời lượng dạy học và điều kiện dạy học đảm bảo đáp ứng yêu cầu đầu ra.
- Bên cạnh các nội dung dạy học đề xuất trong chương trình, nhà trường có thể bổ sung thêm hoặc điều chỉnh các nội dung cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể.

b. Đối với các tổ hợp môn không có môn Tiếng Anh

- Đảm bảo đủ thời lượng dạy học theo quy định. Chương trình được thiết kế nhằm cung cấp nội dung cho thực hiện kế hoạch dạy học nhằm đảm bảo người học đáp ứng các yêu cầu cần đạt của Chương trình và đủ điều kiện để theo học các cấp học tiếp theo.
- Cơ sở giáo dục có thể vận dụng Chương trình một cách linh hoạt trên cơ sở bảo đảm yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình và Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- Người học bắt đầu chương trình cần có năng lực tiếng Anh tương đương hoàn thành Chương trình môn Tiếng Anh cấp THPT, nếu chưa đạt trình độ theo yêu cầu cần được bồi dưỡng nâng cao trình độ trong khi theo học với thời lượng phù hợp để đáp ứng các yêu cầu đầu ra của Chương trình.
- Đảm bảo đầy đủ tài liệu học tập. Có thể sử dụng các nguồn học liệu tham khảo để nâng cao chất lượng dạy học. Đảm bảo đủ trang thiết bị để trợ giúp việc dạy học (như thiết bị nghe nhìn và học liệu điện tử).

Sử dụng thiết bị dạy học hiệu quả là một trong những điều kiện quyết định thành công của việc đổi mới phương pháp dạy học môn Tiếng Anh theo định hướng phát triển năng lực.

Cơ sở giáo dục cần trang bị thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu tổ chức dạy học, định hướng phương pháp dạy học tích cực và tuân thủ các quy định về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khuyến khích sử dụng các học liệu điện tử (trực tuyến và ngoại tuyến) có chất lượng. Giáo viên cần định hướng cho học sinh sử dụng các học liệu môn Tiếng Anh định dạng số sẵn có trên mạng Internet và được lưu trong các thiết bị đa phương tiện phù hợp, đồng thời bản thân giáo viên cũng phải biết cách tận dụng những nguồn lực sẵn có để bổ sung, hỗ trợ cho việc dạy học. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào kiểm tra, đánh giá cần được khuyến khích thực hiện ở những cơ sở giáo dục có đủ điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất và năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và kỹ thuật viên.
